

Bản án số: 11/2017/KDTM-ST.

Ngày: 16-10-2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mạnh;
2. Bà Đoàn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (tên gọi tắt là A).

Trụ sở: Số 18 D, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số 38-C11 đường 3/2, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ Tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện ủy quyền: Ông Đỗ Quang T – Chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh Vĩnh Lạc Kiên Giang theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng N.

Đại diện ủy quyền lại: Ông Chiêm Văn G – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch số 2 trực thuộc A Chi nhánh thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2017 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Danh H, sinh năm: 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 70 Nguyễn Văn C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hùng Thị N, sinh năm: 1978 (vợ ông Danh H, vắng mặt).

Địa chỉ: Số 70 Nguyễn Văn C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Theo Giấy đề nghị vay vốn đề ngày 07/8/2014 của ông Danh H và bà Hùng Thị N, ngày 08/8/2014 Ngân hàng N Chi nhánh Vĩnh Lạc và ông Danh H đã ký Hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 cho ông bà vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để sửa chữa xe tải lạnh; thời hạn vay là 60 tháng; ngày đến hạn: 08/8/2019; hình thức thanh toán: Lãi trả 03 tháng/lần, gốc trả mỗi năm/lần; lãi suất cho vay là 12.5 %/năm, đến ngày 01/01/2015 điều chỉnh giảm còn 11.5 %/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Tài sản đảm bảo số tiền vay là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M.567804, diện tích 13.420 m², tờ bản đồ số 8, thửa đất số 1228 do UBND thị xã Rạch Giá cấp ngày 31/8/1998.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá ngày ngày 08/8/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 08/8/2014.

Trong quá trình vay vốn, ông H và bà N chỉ trả được số tiền lãi trong hạn là 36.633.334đ (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng) và đã quá hạn nhiều kỳ trả nợ gốc và lãi. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/10/2017 là 530.627.221đ (Năm trăm ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng); trong đó: Số tiền nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 113.977.777đ (Một trăm mười ba triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng), số tiền lãi quá hạn là 16.649.444đ (Mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng); đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2017 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 ngày 08/8/2014 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không có khả năng trả nợ thì yêu cầu kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* **Bị đơn – ông Danh H:** Tòa án đã triệu tập ông Danh H nhiều lần để hòa giải và công khai tài liệu chứng cứ vụ án, nhưng ông H không đến nên Tòa án mở phiên Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hùng Thị N:** Tòa án đã triệu tập bà Hùng Thị N nhiều lần để hòa giải và công khai tài liệu chứng cứ vụ án, nhưng bà N không đến nên Tòa án mở phiên Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

* **Tại phiên tòa:**

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Chiêm Văn G xác định giữ nguyên yêu cầu bị đơn - ông Danh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/10/2017 là 530.627.221 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2017 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không có khả

năng trả nợ thì yêu cầu được kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn – ông Danh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hùng Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử và đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông H và bà N. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện và lời trình bày của đại diện hợp pháp của Ngân hàng thể hiện ngày 08/8/2014, ông Danh H đã ký Hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 vay của Ngân hàng N Chi nhánh Vĩnh Lạc số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) để sửa chữa xe tải lạnh; thời hạn vay là 60 tháng; hình thức thanh toán: Lãi trả 03 tháng/lần, gốc trả mỗi năm/lần; lãi suất cho vay là 12.5 %/năm, đến ngày 01/01/2015 điều chỉnh giảm còn 11.5 %/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Tài sản đảm bảo số tiền vay là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M.567804, diện tích 13.420 m², tờ bản đồ số 8, thửa đất số 1228 do UBND thị xã Rạch Giá cấp ngày 31/8/1998. Tài sản thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá ngày 08/8/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 08/8/2014.

Trong quá trình vay vốn, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nêu trên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 113.977.777 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 16.649.444 đồng, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/10/2017 là 530.627.221 đồng và yêu cầu số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2017 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 ngày 08/8/2014 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không có khả năng trả nợ thì yêu cầu kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về phía ông Danh H và bà Hùng Thị N chưa có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tại Tòa án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ

kiện, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện theo quy định pháp luật nhưng ông H, bà N vẫn cố tình vắng mặt và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án. Mặc dù chưa có ý kiến tại Tòa nhưng theo hồ sơ tín dụng do Ngân hàng cung cấp thể hiện ý kiến của ông H và bà N đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 ngày 08/8/2014.

Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được các bên ký kết đúng trình tự pháp luật và phù hợp với quy định tại các Điều 342, 343, 715 và Điều 716 Bộ luật Dân sự năm 2005, cũng như các quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010. Tài sản thế chấp cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện trong thời gian thực hiện hợp đồng là do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận được hai bên ký kết tại Điều 5 khoản 5.1 điểm b của hợp đồng tín dụng số 7715LAV201400410 ngày 08/8/2014. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự; khoản 1 Điều 302, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất và xử lý nợ, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn - ông Danh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/10/2017 là 530.627.221đ (Năm trăm ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi một đồng); trong đó: Nợ gốc là 400.000.000 đồng; tạm tính đến ngày 16/10/2017 số tiền nợ lãi trong hạn là 113.977.777đ (Một trăm mười ba triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng), số tiền nợ lãi quá hạn là 16.649.444đ (Mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 17/10/2017, ông H còn phải trả cho Ngân hàng N khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 ngày 08/8/2014 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, căn cứ vào quy định tại Điều 355 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 56, 58 và 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về Giao dịch bảo đảm; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Rạch Giá phát mãi tài sản thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn – ngân hàng N được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn không phải chịu tiền án phí và bị đơn – ông Danh H phải chịu

án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch số tiền là: $(20.000.000đ + (4\%[530.627.221đ - 400.000.000đ])) = 25.225.089đ$ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 302, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58 và 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng N về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn – ông Danh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Hùng Thị N (là vợ ông Danh H).

2. Buộc ông Danh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/10/2017 là 530.627.222đ (Năm trăm ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 16/10/2017 là 130.627.222đ (Một trăm ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) theo hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 ngày 08/8/2014. Kể từ ngày 17/10/2017, ông H còn phải trả cho Ngân hàng N khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7715LAV2014 ngày 08/8/2014 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ;

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông H không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá phát mãi tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang do ông Danh H đứng tên chủ sở hữu tài sản theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số M567804, diện tích 13.420 m², tờ bản đồ số 8, thửa đất số 1228 do UBND thị xã Rạch Giá cấp ngày 31/8/1998. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số ME/46, đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá số 2743 ngày 08/8/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 08/8/2014, theo đó trong trường hợp tài sản phải kê biên thì ông Danh H và vợ là bà Hùng Thị N có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục liên quan đến việc phát mãi tài sản nêu trên.

Nếu sau khi xử lý các tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho ngân hàng mà còn thừa thì được trả lại cho bên thế chấp. Trường hợp số tiền thu

được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Danh H phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

3. Án phí sơ thẩm có giá ngạch

+ Bị đơn – ông Danh H phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch số tiền là 25.225.089đ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

+ Nguyên đơn - Ngân hàng N được hoàn trả tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 10.950.000 đồng (Mười triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007235 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tất Ngọc Trân